

Bản án số: 4381/2024/DS-ST

Ngày: 17-9-2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ  
MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Lệ Quyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Đặng Thị Thu Oanh
- Ông Trần Đăng Vạn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hải Yến là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Võ Hồng Duyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 875/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 7296/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần K (tên viết tắt: T1)  
Trụ sở: Số F Q, Phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

**Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Kiều Quang H, sinh năm 1997 là đại diện ủy quyền theo Giấy ủy quyền số: 2179-02/2024/GUQ-TCB ngày 13/8/2024

Địa chỉ liên hệ: PF-05, Tầng L (S) - số I N, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Bị đơn:**

2.1/ Ông Nguyễn Phạm T, sinh năm 1982

2.2/ Bà Cao Thị D1, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: Số F Đường A, Khu phố I (Tổ 4, khu phố Ông N cũ), phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Tất cả các đương sự đều có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần K trình bày:*

Ngày 20/01/2020, ông Nguyễn Phạm T và bà Cao Thị D1 đã ký kết Đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: PDP202071012977/HDTD để vay tiền của Ngân hàng TMCP K. Nội dung hợp đồng cụ thể như sau:

- + Số tiền vay gốc: 700.000.000 đồng;
- + Thời hạn vay là 84 tháng;
- + Lãi suất: trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày nhận nợ là 8,99%/tháng, sau đó điều chỉnh theo từng thời kỳ với biên độ 3%/năm;
- + Mục đích vay: Vay mua xe ô tô;
- + Ngày nhận nợ: 21/01/2020.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, vào ngày 20/01/2020 bà Cao Thị D1 và ông Nguyễn Phạm T đã ký với T1 Hợp đồng thế chấp (tài sản bảo đảm là Động sản) số: PDP202071012977/HDTC đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 22/01/2020. Tài sản thế chấp là: Xe ô tô biển kiểm soát 51H-722.76, số máy: BN27384B12, số khung: GF3MK1000433, nhãn hiệu Mitsubishi, loại ô tô con, màu sơn trắng – đen (theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 547603 do Phòng C – Công an Thành phố H cấp ngày 04/01/2020 do bà Cao Thị D1 đứng tên sở hữu).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T và bà D1 mới chỉ thanh toán cho T1 được số tiền gốc là 141.684.453 đồng và tiền lãi là 80.935.886 đồng. Do ông T và bà D1 nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 18/10/2021 T1 đã ban hành Thông báo số: 0001254/2021/TB-AMC về việc thu hồi nợ trước hạn.

Tính đến ngày hôm nay (17/9/2024), ông T và bà D1 còn nợ T1 tổng số tiền 818.111.060,70 đồng (trong đó: nợ gốc là 558.315.547 đồng, lãi trong hạn là 147.231.244 đồng, nợ lãi quá hạn là 85.671.805,44 đồng và lãi phạt chậm trả là 26.892.464,27 đồng) theo Đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: PDP202071012977/HDTD ngày 20/01/2020.

Nay T1 yêu cầu ông T, bà D1 phải thanh toán ngay một lần số tiền còn nợ nêu trên và ông T, bà D1 phải tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 18/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp ông T, bà D1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán nêu trên thì T1 được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 22/01/2020 để thu hồi nợ. Trong trường hợp giá trị tài sản bảo đảm sau khi phát mãi không đủ để thực hiện nghĩa vụ đảm bảo thì ông Nguyễn Phạm T và bà Cao Thị D1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn thiếu cho T1 theo Đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: PDP202071012977/HDTD ngày 20/01/2020. Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm sau khi phát mãi nhiều hơn nghĩa vụ thanh toán được đảm bảo thì ông Nguyễn Phạm T, bà Cao Thị D1 được nhận lại số tiền còn dư này.

*Theo lời khai tại phiên hòa giải ngày 14/8/2024 và tại phiên tòa, các bị đơn là ông Nguyễn Phạm T và bà Cao Thị D1 thống nhất trình bày:*

Vợ chồng ông T, bà D1 thống nhất với phần trình bày của người đại diện hợp pháp của T1 về việc ký kết, thực hiện hợp đồng tín dụng và ký kết hợp đồng thế chấp giữa vợ chồng ông bà với T1. Ông bà xác nhận tính đến ngày 17/9/2024 còn nợ lại T1 số tiền nợ gốc là 558.315.547 đồng và không xác định được số tiền nợ lãi.

Vợ chồng ông T, bà D1 xin chỉ trả nợ gốc cho T1 và xin Ngân hàng miễn toàn bộ nợ lãi còn lại. Tuy nhiên, do ảnh hưởng từ sau dịch Covid-19 nên việc trả nợ gặp nhiều khó khăn, ông bà đề nghị được trả số tiền nợ gốc 558.315.547 đồng làm 03 lần, cụ thể: vào các ngày 30/8/2024 và ngày 30/8/2025 mỗi lần sẽ trả số tiền là 186.000.000 đồng, vào ngày 30/8/2026 sẽ trả hết số tiền gốc còn lại. Nếu ông bà không thanh toán hoặc thanh toán không đúng như phương án nêu trên thì ông bà đồng ý để Ngân hàng phát mãi tài sản bảo đảm: Xe ô tô biển kiểm soát 51H-722.76, số máy: BN27384B12, số khung: GF3MK1000433, nhãn hiệu Mitsubishi, loại ô tô con, màu sơn trắng – đen (theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 547603 do Phòng C – Công an Thành phố H cấp ngày 04/01/2020 do bà Cao Thị D1 đứng tên sở hữu) để thu hồi nợ. Đồng thời đề nghị Ngân hàng cung cấp giấy tờ để xe có thể lưu thông và hỗ trợ thay đổi mục đích sử dụng của xe ô tô từ sử dụng cá nhân sang sử dụng cho mục đích kinh doanh để ông bà có thể khai thác, sử dụng xe.

Từ cuối năm 2020, khi Ngân hàng không gia hạn giấy tờ để xe lưu thông và đăng kiểm thì ông T, bà D1 đã liên hệ trực tiếp để làm việc với T1 từ hội sở đến phòng giao dịch rất nhiều lần để đề nghị thanh lý hợp đồng và có phương án trả nợ nhưng tất cả các lần làm việc với Ngân hàng đều không có văn bản, Ngân hàng có lập biên bản nhưng cũng không cung cấp cho ông bà. Sự việc kéo dài đến nay nên ông bà không đồng ý với số tiền lãi mà Ngân hàng yêu cầu trả. Hiện nay, xe vẫn đang đậu đỗ tại sân đình L, đường số A, phường L, thành phố T, ông bà không thể sử dụng xe nên đề nghị Ngân hàng xem xét miễn toàn bộ tiền lãi để ông bà có khả năng điều kiện trả toàn bộ tiền gốc còn nợ.

Tại phiên tòa, các bị đơn chỉ đồng ý trả nợ gốc, không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Ông T yêu cầu khi xử lý tài sản bảo đảm thì phải có sự đồng ý của ông vì cho rằng giữa ông T và bà D1 có sự góp vốn hợp tác đầu tư.

Trong phần tranh tụng tại phiên tòa, ông T nhiều lần gây mất trật tự dù đã được các thành viên Hội đồng xét xử nhắc nhở, ông T tự ý rời khỏi phòng xử án mà không có sự đồng ý của Chủ tọa phiên tòa.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật; Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Xác định đúng người tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời khai của đương sự trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Thương mại Cổ phần K nộp đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Phạm T và bà Cao Thị D1 phải thanh toán khoản nợ còn thiếu theo Đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: PDP202071012977/HDTD ngày 20/01/2020; ông T và bà D1 có nơi cư trú tại phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Phạm T tự ý rời khỏi phòng xử án khi phiên tòa đang diễn ra không có lý do chính đáng và chưa được Chủ tọa phiên tòa đồng ý. Xét yêu cầu của các đương sự còn lại và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc tiếp tục xét xử mà không có mặt của ông T nên Hội đồng xét xử chấp nhận tiếp tục xét xử vắng mặt ông T.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn trả nợ gốc:

Căn cứ vào Đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: PDP202071012977/HDTD ngày 20/01/2020, bảng sao kê tín dụng, bảng chiết tính lãi do nguyên đơn cung cấp và lời khai của các đương sự, có cơ sở xác định ông Nguyễn Phạm T và bà Cao Thị D1 đã vay của T1 số tiền 700.000.000 đồng trong thời hạn 84 tháng để trả tiền mua xe ô tô với mức lãi suất là 8,99%/tháng áp dụng trong 12 tháng kể từ ngày nhận nợ và sau đó sẽ được điều chỉnh theo từng thời kỳ với biên độ là 3%/năm. Xét hợp đồng tín dụng nêu trên giữa các bên có hình thức đúng quy định của pháp luật, nội dung các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng không vi phạm điều cấm của pháp luật, các bên tự nguyện ký kết Hợp đồng tín dụng nên Hợp đồng tín dụng này phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông T và bà D1 đã thanh toán cho T1 141.684.453 đồng tiền gốc và 80.935.886 đồng tiền lãi. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán về thời hạn ngay từ kỳ thanh toán đầu tiên theo quy định tại mục 3.3 Điều 3 Đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: PDP202071012977/HDTD ngày 20/01/2020 nên ngày 18/10/2021 T1 đã ban hành Thông báo số: 0001254/2021/TB-AMC về việc thu hồi nợ trước hạn. Tính đến nay, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 558.315.547 đồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, T1 có quyền thu

hồi nợ trước hạn trong trường hợp bên được cấp tín dụng là ông T, bà D1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại hợp đồng cấp tín dụng. Do vậy, xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay một lần toàn bộ nợ gốc sau khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về trả tiền lãi:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và quá trình tranh tụng tại Tòa án, xác định bị đơn trong quá trình thực hiện hợp đồng đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn. Căn cứ hợp đồng tín dụng thì lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 8,99%/năm, cố định trong 12 tháng đầu tiên; sau đó điều chỉnh định kỳ 01 tháng một lần, bằng lãi suất cơ sở vay mua ô tô dài hạn (+) với biên độ 3,00%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được T1 quy định theo từng thời kỳ, tương ứng từng đối tượng khách hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn tính từ thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả bằng 10% tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả...

Ngày 18/10/2021, T1 đã ban hành Thông báo số 0001254/2021/TB-AMC về việc thu hồi nợ trước hạn. Căn cứ vào các mục 1.5, 1.6, 1.7 Điều 1 của hợp đồng tín dụng thì việc nguyên đơn chuyển toàn bộ nợ gốc sang nợ quá hạn và yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả tính trên từng kỳ vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/9/2024) với tổng số tiền 259.795.513,70 đồng là có cơ sở chấp nhận phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

[3.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp:

Căn cứ Hợp đồng thế chấp (tài sản bảo đảm là Động sản) số: PDP202071012977/HDTC ngày 20/01/2020 đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 22/01/2020, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 547603 do Phòng C – Công an Thành phố H cấp ngày 04/01/2020 do bà Cao Thị D1 đứng tên sở hữu thì việc bị đơn dùng tài sản thuộc sở hữu của mình (mô tả tài sản: Xe ô tô biển kiểm soát 51H-722.76, số máy: BN27384B12, số khung: GF3MK1000433, nhãn hiệu Mitsubishi, loại ô tô con, màu sơn trắng – đen) thế chấp cho nguyên đơn để đảm bảo cho khoản vay 700.000.000 đồng. Xét thấy, việc hai bên ký hợp đồng thế chấp là hoàn toàn tự nguyện, tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Từ đó đủ căn cứ xác định hình thức và nội dung hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật nên có giá trị đảm bảo cho việc thanh toán cho số tiền theo Đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng kèm kế ước nhận nợ số: PDP202071012977/HDTC ngày 20/01/2020. Do yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp nêu trên phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 323, Điều 299 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ.

Xét các đề nghị của bị đơn về việc không trả lãi, chỉ trả nợ gốc chia làm 03 đợt thanh toán cũng như đề nghị Ngân hàng cung cấp giấy tờ để xe có thể lưu thông và hỗ trợ thay đổi mục đích sử dụng của xe ô tô từ sử dụng cá nhân sang sử dụng cho mục đích kinh doanh để ông bà có thể khai thác, sử dụng xe, là không được nguyên đơn chấp nhận nên không có cơ sở xem xét.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí và chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Phạm T và bà Cao Thị D1 phải liên đới chịu án phí sơ thẩm. Nguyên đơn được hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (đã thực hiện xong).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 234, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 280, 292, 293, 298, 299, 303, 317, 318, 319 và Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 91, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Thông báo số 15/TB-HĐTP ngày 11/01/2019;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần K:**

Buộc ông Nguyễn Phạm T và bà Cao Thị D1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền 818.111.060,70 đồng (trong đó: nợ gốc là 558.315.547 đồng, lãi trong hạn là 147.231.244 đồng, nợ lãi quá hạn là 85.671.805,44 đồng và lãi phạt chậm trả là 26.892.464,27 đồng) theo Đề nghị

giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: PDP202071012977/HDTD ngày 20/01/2020, thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Phạm T và bà Cao Thị D1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thi hành theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của T1, nếu ông Nguyễn Phạm T và bà Cao Thị D1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì T1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô biển kiểm soát 51H-722.76, số máy: BN27384B12, số khung: GF3MK1000433, nhãn hiệu Misubishi, loại ô tô con, màu sơn trắng – đen theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 547603 do Phòng C – Công an Thành phố H cấp ngày 04/01/2020 do bà Cao Thị D1 đứng tên sở hữu để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp (tài sản bảo đảm là Động sản) số: PDP202071012977/HDTC ngày 20/01/2020, đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 22/01/2020. Trong trường hợp giá trị tài sản bảo đảm sau khi phát mãi không đủ để thực hiện nghĩa vụ đảm bảo thì ông Nguyễn Phạm T và bà Cao Thị D1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn thiếu cho T1 theo Đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: PDP202071012977/HDTD ngày 20/01/2020. Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm sau khi phát mãi nhiều hơn nghĩa vụ thanh toán được đảm bảo thì ông Nguyễn Phạm T, bà Cao Thị D1 được nhận lại số tiền còn dư này.

Ngay sau khi ông Nguyễn Phạm T, bà Cao Thị D1 thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo Đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: PDP202071012977/HDTD ngày 20/01/2020, T1 có trách nhiệm trả lại cho ông T, bà D1 toàn bộ giấy tờ của tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp (tài sản bảo đảm là Động sản) số: PDP202071012977/HDTC ngày 20/01/2020, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 22/01/2020.

## 2. Về án phí và chi phí tố tụng:

Ông Nguyễn Phạm T và bà Cao Thị D1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 36.543.332 đồng, nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.382.803 đồng theo Biên lai thu tạm ứng số: 0025673 ngày 18/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần K tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (đã thực hiện xong).

**3. Về quyền yêu cầu thi hành án:**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**4. Về quyền kháng cáo:** Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Lệ Quyên**